TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 16 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Chị Lò Thị H, sinh năm 1988 và anh Quàng Văn L, sinh năm1983; NĐKHKTT: Bản N,S, xã C, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, S, huyện Mai Sơn vào ngày 14/4/2005.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, gia đình không hạnh phúc, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng. Sau khi mâu thuẫn sảy ra anh chị đã được hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất

thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị H, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H, anh L.

[2] Về con chung: Chị H, anh L có 02 con chung là các cháu Quàng Thị Thùy N, sinh ngày 20/02/2006 và cháu Quàng Duy T, sinh ngày 27/10/2010. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Quàng Thị Thùy N, sinh ngày 20/02/2006; anh L là người trực tiếp, nuôi dưỡng giáo dục cháu Quàng Duy T, sinh ngày 27/10/2010 cho tới khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị H, anh L tự nguyện thỏa thuận. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị H, anh L tự nguyện thỏa thuận. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị H nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn L nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lò Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Thị Thùy N, sinh ngày 20/02/2006; anh Quàng Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Duy T, sinh ngày 27/10/2010 cho đến khi các cháu trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị H và anh L được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh chị

thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H, anh L tự nguyện thỏa thuận. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị H nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004179 ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, S;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh